

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại.

Bà Lê Thị Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022 ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ma Thị X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 08, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 08, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị X có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Ma Thị X trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ anh Đ, đến năm 2007 thì vợ chồng ra ở riêng tại xã V. Quá trình chung sống, hai bên sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra cãi vã, anh Đ đánh đập chị, thậm chí còn lấy dao dọa chém chị nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ được nữa. Hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2022, không quan tâm đến nhau. Chị về nhà bố mẹ đẻ ở, tại thôn H, xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị

xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị xin được ly hôn anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, anh Đ xác nhận về thời gian kết hôn, chung sống như chị X trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn. Đầu năm 2022, chị X về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị X xin ly hôn, anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

- Về con chung: Chị X và anh Đ xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 19/10/2005, Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn B T, sinh ngày 23/3/2019. Hiện cháu O đang ở cùng chị X, còn cháu B và cháu T đang ở cùng bố. Ly hôn chị X xin được nuôi dưỡng cháu O và cháu T, để cho anh Đ nuôi cháu B. Về phía anh Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị X và anh Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ma Thị X và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 19/10/2005 và cháu Nguyễn B T, sinh ngày 23/3/2019. Giao cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/10/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị X và anh Đ không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Ma Thị X cư trú tại thôn 08, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Đ hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn 08, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh Đ theo quy định của pháp luật. Anh Đ hiện vẫn sinh sống ở địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị X và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã. Hai bên không còn quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, kéo dài.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị X xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh Đ xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 19/10/2005, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/10/2012 và cháu Nguyễn B T, sinh ngày 23/3/2019. Hiện cháu O đang ở cùng chị X, còn cháu B và cháu T đang ở cùng bố. Ly hôn chị X xin được nuôi dưỡng cháu O và cháu T, để cho anh Đ nuôi cháu B. Về phía anh Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung. Nếu được nuôi con, hai bên đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị X và anh Đ đều là lao động tự do, có thu nhập chỗ ở. Bố đẻ chị X là ông Ma Văn L có đơn đề nghị hỗ trợ chị về chỗ ở để nuôi dưỡng các con. Nguyên vọng của cháu O muốn được ở với mẹ, còn cháu B muốn được ở với bố. Cháu T hiện còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, ly hôn giao cho chị X nuôi dưỡng cháu O và cháu T, giao cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B là hợp tình, hợp lý.

Chị X và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị X và anh Đ không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu chị X, anh Đ có đơn đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị X ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2- Về con chung: Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 19/10/2005 và cháu Nguyễn B T, sinh ngày 23/3/2019. Giao cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày

16/10/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị X và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ma Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0004098 ngày 22/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị X đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đ;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn